

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2054/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2024

V/v Tranh chấp xác định con cho cha

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 513/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2024, về việc "Tranh chấp xác định con cho cha" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2359/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/4/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Tất X, sinh năm: 1980

Địa chỉ: số nhà 61 đường HT, Khu phố D, phường BT, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Bích E, sinh năm: 1987

Địa chỉ thường trú: Thôn 10, xã ĐR, huyện KR, tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: số nhà 73 đường HT, Khu phố D, phường BT, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Sầm Văn Y, sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm HL, xã NT, thị xã TH, tỉnh Nghệ An.

Các đương sự có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2024 và lời trình bày của nguyên đơn ông Trần Tất X:

Năm 2015 ông X quen biết và nảy sinh tình cảm với bà Trần Thị Bích E. Thời gian này bà E và chồng là ông Sầm Văn Y đã ly thân do mâu thuẫn, bà E vào Thành phố Hồ Chí Minh làm việc còn ông Y sống tại Kon Tum. Sau thời gian tìm hiểu, năm 2018 bà E mang thai con chung với ông X nên ông bà quyết định xây dựng gia đình với nhau. Bà E đã liên hệ với ông Y để làm thủ tục ly hôn nhưng vì lý do cá nhân, hai bên chưa thể tiến hành. Sau đó, ông X và bà E tổ chức lễ cưới và về chung sống. Ngày 16/3/2018, bà E sinh ra 01 bé trai tại bệnh viện HV, đặt tên con là Trần Xuân C. Sau khi trẻ C ra đời, ông X đã liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký khai sinh cho con, tuy nhiên ông được cán bộ hộ tịch giải thích do trẻ C sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà E và ông Y nên không thể ghi tên của ông Trần Tất X tại phần tên người cha trong giấy khai sinh. Đến nay ông Y và bà E đã ly hôn, giữa ông và bà E cũng đã đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Để đăng ký khai sinh cho trẻ C đi học và làm các giấy tờ liên quan quyền nhân thân của trẻ, ông X yêu cầu Tòa án xác định trẻ Trần Xuân C, sinh ngày 16/3/2018 là con đẻ của ông.

Tại bản tự khai ngày 18/3/2024 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Trần Thị Bích E trình bày:

Năm 2008 bà kết hôn với ông Sầm Văn Y và sinh sống ở Kon Tum. Năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà và ông Y đã ly thân và tách ra sống riêng. Đến năm 2015 bà vào Thành phố Hồ Chí Minh làm việc thì gặp và có quan hệ tình cảm với ông Trần Tất X. Năm 2018 bà và ông X xác định gắn bó lâu dài nên bà mang thai con chung với ông X. Thời điểm đó bà có về Kon Tum gặp ông Y để bàn bạc việc ly hôn, ông Y đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà nhưng chưa tiến hành thủ tục ly hôn theo quy định. Vì vậy, bà và ông X tổ chức đám cưới và về chung sống, chưa đăng ký kết hôn. Ngày 16/3/2018, bà hạ sinh 01 bé trai tại bệnh viện HV, đặt tên con là Trần Xuân C. Bà xác định trẻ C là con ruột của ông X mặc dù trẻ được sinh ra trong thời gian hôn nhân giữa bà và ông Y còn tồn tại. Đến nay bà và ông Y đã ly hôn, giữa bà và ông X cũng đã đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của con, bà đồng ý với yêu cầu của ông X, yêu cầu Tòa án xác định trẻ Trần Xuân C, sinh ngày 16/3/2018 là con đẻ của ông Trần Tất X.

Tại bản tự khai ngày 27/3/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sầm Văn Y trình bày:

Năm 2008 ông kết hôn với bà Trần Thị Bích E và chung sống tại huyện KR, tỉnh Kon Tum. Đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên tách ra sống riêng, sau đó bà E vào Thành phố Hồ Chí Minh làm việc, giữa ông bà không còn cuộc sống chung. Tuy nhiên do hoàn cảnh cá nhân nên thời điểm đó ông chưa làm thủ tục ly hôn với bà E. Ông xác định trẻ Trần Xuân C không phải là con của ông. Đến nay ông và bà E đã ly hôn theo quyết định của Tòa án nhân dân huyện KR,

tỉnh Kon Tum. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tất X, ông không có ý kiến, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định. Do ở xa nên ông Y có đơn yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa, ông Trần Tất X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án xác định trẻ Trần Xuân C, sinh ngày 16/3/2018 là con đẻ của ông X. Bị đơn bà Trần Thị Bích E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sầm Văn Y có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Kết luận giám định pháp y về ADN ngày 11/4/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp xác định con cho cha” theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp thể hiện: Trong khoảng thời gian từ năm 2015, bà E và ông X có quan hệ tình cảm nên bà E đã mang thai con chung với ông X và sinh ra 01 bé trai vào ngày 16/3/2018, được đặt tên Trần Xuân C. Căn cứ Giấy chứng sinh số 0007398 ngày 16/3/2018 của Bệnh viện HV thể hiện tên người mẹ là Trần Thị Bích E, phù hợp với lời khai của bà E và ông X. Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận trẻ Trần Xuân C là con ruột của ông Trần Tất X nhưng đến nay trẻ C vẫn chưa được đăng ký khai sinh do thời điểm sinh trẻ C, bà E và ông Sầm Văn Y đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông Sầm Văn Y có lời khai thống nhất với bà E về thời điểm vợ chồng mâu thuẫn và tách ra sống riêng, đồng thời cũng xác định bé trai do bà E sinh ra vào ngày 16/3/2018 không phải là con của ông vì thời gian đó giữa ông bà không còn liên lạc, cuộc sống vợ chồng thực tế đã chấm dứt.

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án, ngày 27 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã quyết định trưng cầu giám định gen giữa ông Trần Tất X, sinh ngày 15/5/1980 và Trần Xuân C, sinh ngày 16/3/2018.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về ADN số 2193/KL-KTHS ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an đã kết luận: “Ông Trần Tất X là cha ruột của trẻ Trần Xuân C”.

[2.3] Xét, lời khai của các đương sự phù hợp với Kết luận giám định của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an nên có đủ cơ sở xác định ông Trần Tất X là cha đẻ của Trần Xuân C, sinh ngày 16/3/2018. Tại khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Người không được nhận là cha, mẹ của một người có thể yêu cầu Tòa án xác định người đó là con mình*”. Như vậy, yêu cầu của ông Trần Tất X là hợp pháp, chính đáng nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

[3] Về chi phí giám định: Ông Trần Tất X đã nộp xong và tự nguyện chịu chi phí giám định nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của ông X được chấp nhận nên bà E phải chịu án phí dân sự. Ông X không phải chịu án phí và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 92; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tất X;

Xác định trẻ Trần Xuân C, sinh ngày 16/3/2018 (theo Giấy chứng sinh số 0007398 do Bệnh viện HV cấp ngày 16/3/2018) là con đẻ của ông Trần Tất X, sinh năm 1980; nơi cư trú: số nhà 61 đường HT, Khu phố D, phường BT, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Tất X, bà Trần Thị Bích E được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký hộ tịch cho trẻ Trần Xuân C.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Bích E phải chịu án phí dân sự 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Tất X thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông X được hoàn lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0025509 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (Biên lai thu trên dịch vụ công số 000001030628 ngày 11/3/2024).

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp.Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Khánh